

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2021

*Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu, cư trú tại xã Dân Lực, huyện Triệu Sơn

2, Ông Lê Đình Sanh

Nghề nghiệp: Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Tiến Đạt, tại thị trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 258/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXX- ST ngày 01/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021 ngày 17/12/2021 giữa.

Nguyên đơn: Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Số nhà N, ngõ V, đường T, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

Bị đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1993, vắng mặt lần thứ hai

Nơi HKTT: Số nhà N, ngõ V, đường T, phường N, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn anh Lê Ngọc Th trình bày. Anh và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại phường N, thành phố H, sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị D có lỗi sống không thật thà trong tình cảm với chồng con, ham chơi theo bạn bè không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh động viên khuyên nhủ chị D không nghe nên vợ chồng thường xuyên có lời lẽ to tiếng xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình đoàn thể địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, cuối năm 2015 mâu thuẫn gay gắt, chị D tự mang con về quê xã H, huyện T sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, thời gian đầu anh Th thường xuyên thăm hỏi động viên chị D và con để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý mà nhiều lần đề nghị anh ly hôn, từ khoảng cuối năm 2020 đến nay chị D không đồng ý cho anh thăm hỏi con cái mà coi thường xúc phạm anh, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh Th trình bày vợ chồng có một con chung cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 21/3/2013, từ khi vợ chồng ly thân năm 2016, cháu Tr ở với chị Diệu, hiện nay cháu đang học lớp 3 trường tiểu học xã H, huyện T, nay vợ chồng ly hôn để ổn định việc học tập, sinh hoạt của cháu Tr, anh đề nghị chị D tiếp tục nuôi con, anh sẽ đóng góp nuôi con cùng chị D mỗi tháng 2.000.000đ, nếu chị D không nuôi và cháu Tr có nguyện vọng ở với bố, anh xin nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh Th đề nghị chị D trực tiếp nuôi con và rút cấp dưỡng nuôi con, khi nào chị D có yêu cầu anh sẽ cấp dưỡng sau

Về tài sản và nợ: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị D, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự.

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không cung cấp ý kiến cũng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn chị D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, tình trạng thực tế và ý kiến của anh Th tại phiên tòa, giao chị D tiếp tục nuôi cháu Tr và được quyền đi lại thăm nom con chung, không được ngăn cản, phần cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa anh Th rút đề nghị cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị D không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án làm việc, ngày 17/12/2021, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng chị D vắng mặt lần thứ nhất nên HĐXX đã hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay chị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ các Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, ý kiến nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. HĐXX vẫn tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Ngọc Th và chị Phạm Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị D có lối sống ham chơi bạn bè, không quan tâm đến chồng con và gia đình, anh Th động viên góp ý chị D không nghe nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, cuối năm 2015 mâu thuẫn gay gắt, chị D tự mang con về quê xóm N, xã H, huyện T sinh sống cho đến nay, thời gian đầu mới ly thân, anh Th nhiều lần thăm hỏi động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý mà

còn có lời lẽ thiếu tế nhị đối với anh Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, phối hợp cùng chính quyền địa phương và gia đình nơi chị D đang sinh sống đề ghi nhận ý kiến chị D nhưng chị D và gia đình đều không hợp tác, nhưng xác minh được chị D và cháu Tr từ năm 2016 và hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn N nay là thôn Đ, xã H, huyện T, như vậy tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng như anh Th trình bày là đúng, yêu cầu ly hôn của anh Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, mặc dù chị D không có ý kiến gì nhưng qua những lần tổng đạt tiếp xúc với chị D đều thể hiện ý kiến qua lời nói như “Hắn muốn ly hôn, tòa bảo hắn gặp tôi nói chuyện rõ ràng xin tôi thì tôi xem xét” nhưng khi Tòa án tổ chức các phiên hòa giải để hai bên trao đổi bàn bạc thì chị D không hợp tác, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th, xử cho anh Th được ly hôn chị D.

[2] Về con chung: Anh Th trình bày vợ chồng có một con chung cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 21/3/2013, từ khi vợ chồng ly thân năm 2015 đến nay cháu Tr ở với chị D, học tập sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, nay vợ chồng ly hôn, để ổn định việc học tập và tâm sinh lý cho con, anh đề nghị chị D tiếp tục nuôi con, anh xin cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. nếu chị D không nuôi và cháu Tr có nguyện vọng ở với bố anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh trình bày mặc dù chị D không có ý kiến gì về việc nuôi con và ngăn cản không cho Tòa án tiếp cận cháu Tr để hỏi ý kiến cháu Tr nhưng trên thực tế cháu Tr đang ở với chị D từ năm 2016 đến nay, qua trao đổi điện thoại cháu có nguyện vọng ở với mẹ, để ổn định việc học tập, sinh hoạt và nguyện vọng của cháu Tr, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Tr cho chị D nuôi dưỡng, khi nào cháu Tr có nguyện vọng hoặc chị D đề nghị anh nuôi con, anh sẽ nuôi con, còn về cấp dưỡng nuôi con, anh xin rút không đồng ý cấp dưỡng nữa, do chị D không có yêu cầu, khi nào chị D có yêu cầu anh sẽ cấp dưỡng sau.

Xét thấy vợ chồng có một con chung cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 21/3/2013, từ năm 2016 đến nay ở với chị D, mặc dù quá trình giải quyết chị D không có ý kiến gì, cũng không cung cấp ý kiến của cháu Tr và ngăn cản Tòa án tiếp xúc cháu Tr để ghi nhận ý kiến của cháu Tr. Nhưng qua xác minh của Tòa án ngày 05/11/2021 tại địa phương và tại trường tiểu học xã H nơi cháu đang học, xác định được hiện nay cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 21/3/2013 đang học lớp 3c trường tiểu học xã H, huyện T, học tập khỏe mạnh bình thường, tại phiên tòa anh Th trình bày, qua trao đổi điện thoại trực tiếp với cháu Tr, cháu Tr có nguyện vọng ở với mẹ, để đảm bảo ổn định việc học tập, sinh hoạt của cháu Tr, anh đề nghị Tòa án giao chị D tiếp tục nuôi cháu Tr, sau này trường hợp chị D không nuôi hoặc cháu Tr có nguyện vọng ở với anh, anh sẽ có yêu cầu thay đổi nuôi con sau, xét đề nghị của anh Th là phù hợp với thực tế và phù hợp nguyện vọng của cháu Tr như anh Th trình bày vì từ năm 2016 đến nay cháu Tr ở với chị D và ông bà ngoại tại thôn N nay là thôn Đ, xã H, huyện T học tập khỏe mạnh bình thường, nghĩ nên giao chị D

tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tr, vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ản trở nhưng hai bên không được lợi dụng việc thăm con, nuôi con để làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng con trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Th rút cấp dưỡng nuôi con, chị D không có ý kiến gì, khi nào các bên có ý kiến xem xét sau.

[3] Về tài sản, nợ: anh Th không yêu cầu giải quyết, chị D không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Lê Ngọc Th và chị Phạm Thị D.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng cháu Lê Huyền Tr, sinh ngày 21/3/2013, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Th được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng hai bên không được lợi dụng việc nuôi con, thăm con để làm ảnh hưởng đến việc chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Ngọc Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 6262 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, anh Th đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã H, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Đình Hợp

